

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/HSST

Ngày: 21-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Chung

Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
NĐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ tỉnh
Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2021/TLST-HS
ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
128/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Anh T; sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ
khẩu thường trú: A2 P12 khu tập thể VM, phường VM, thành phố NĐ, tỉnh Nam
Định; nơi ở: A3 P6 khu tập thể VM, phường VM, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định;
nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn
giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn T và bà: Trần Thị H; tiền
án: ngày 14/8/2018 Tòa án nhân dân thành phố NĐ xử phạt 21 tháng tù về tội
“Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tiền sự: ngày 29/6/2020 Công an phường TQK
thành phố NĐ xử phạt vi phạm hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi “Sử
dụng trái phép chất ma túy”; bị bắt, tạm giữ ngày 23-02-2021, chuyển tạm giam
ngày 26-02-2021; có mặt.

Bị hại: Anh Đỗ Tiến S, sinh năm: 1995; nơi cư trú: số 486 đường TP,
phường TQK, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Anh T và anh Đỗ Tiến S có mối quan hệ bạn bè từ trước. Biết anh S hay sử dụng xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy trên của anh S để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 30-7-2020, T sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Trương Anh T” gọi điện cho anh S qua tài khoản facebook “S béo” và nói dối S “Cho tao mượn xe máy đi đón người yêu”. Anh S tin tưởng đồng ý cho T mượn và điều khiển xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 đến nhà T tại địa chỉ A3 P6 tập thể VM phường VM thành phố ND gặp và chở T quay lại nhà anh S. Tại đây T tiếp tục nói dối anh S “Cho tao mượn xe máy đi đón người yêu, khoảng 30 phút tao trả”. Anh S tin tưởng nên giao xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 cho T mượn. Ngay sau khi có được xe, T điều khiển xe máy trên đến nhà Lê Huy Q (sinh năm 1981; nơi ở: số 05/72/323 GP phường TT thành phố ND) đặt lại xe làm tin để vay số tiền 3.000.000 đồng. T nói với anh Q đây là xe của T, bố mẹ T đang giữ giấy tờ xe. Anh Q đồng ý, giữ xe lại và đưa cho T 3.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên chưa thỏa thuận lãi suất. Sau đó, T đi đến khu vực ngõ 417 đường THĐ phường BT thành phố ND gặp và điều khiển xe máy điện của anh Bùi Thế A (sinh năm: 1994; nơi cư trú: số 11/417 đường THĐ phường BT thành phố ND) chở A đi chơi rồi vào nghỉ qua đêm tại nhà nghỉ FY, địa chỉ: số 87 đường NCT khu đô thị HV thành phố ND cùng anh A. Khoảng 23 giờ cùng ngày anh S gọi điện cho T để đòi xe, T đã tiếp tục nói dối S: “Tao đang bận tý, tý tao mang trả” sau đó T tắt điện thoại. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31-7-2020, T chở anh A về nhà rồi bỏ trốn vào quận GV thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền 3.000.000 đồng T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/7/2020, anh Đỗ Tiến S đã đến Công an phường TQK thành phố ND để trình báo sự việc. Về nguồn gốc chiếc xe máy trên anh S khai đã mượn của anh Đỗ Ngọc D (sinh năm: 1991, nơi cư trú: số 486 đường TP phường TQK thành phố ND) là anh trai của anh S. Sau khi bị T chiếm đoạt chiếc xe máy trên, qua một người bạn (không rõ lai lịch), anh S biết được xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 đang ở nhà anh Lê Huy Q. Anh S đến đòi xe và nói với ông Trương Văn T (là bố đẻ của T) về việc xe máy trên hiện đang ở nhà Q. Ngày 29-8-2020, ông T cùng người nhà đến nhà Q trả cho Q 3.000.000 đồng và mang xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 trả lại cho anh S. Anh Q không lấy tiền lãi đối với số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Ngày 16-9-2020, Đỗ Tiến S đã tự nguyện giao nộp xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ND để phục vụ quá trình điều tra.

Ngày 23/02/2021 Trương Anh T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố ND khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã triệu tập đối với anh Bùi Thế A. Tại Cơ quan điều tra anh A khai: Quá trình gặp mặt không thấy T nói chuyện gì với anh A về việc T đã lừa đảo chiếm đoạt xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 của anh S; do đó anh A không biết gì về sự việc trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 02-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố ND đã kết luận: chiếc xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 là vật chứng của vụ án trị giá 12.600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và vấn đề dân sự trong vụ án: Sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 cho anh Đỗ Ngọc D. Anh D nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác. Anh Đỗ Tiến S cũng không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bản Cáo trạng số 131/CT-VKSTPNĐ ngày 07-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND truy tố Trương Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Anh T khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Tiến S như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Trương Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố ND, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Anh T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Anh T phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 02-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: ngày 30-7-2020, bị cáo Trương Anh T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Đỗ Tiến S chiếc xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 trị giá 12.600.000 đồng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo hộ nhưng bị cáo vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo có 01 tiền án đã bị kết án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề dân sự: Anh Đỗ Ngọc D và anh Đỗ Tiến S đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với anh Bùi Thế A, kết quả điều tra xác định anh A không biết và không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trương Anh T; đối với Lê Huy Q không biết xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 18B2 - 22592 do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Trương Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Trương Anh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 23-02-2021.

2. Án phí: Bị cáo Trương Anh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Đỗ Tiến S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm

